

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **406 /2023/HNGĐ-ST.**

Ngày: 26/7/2023

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Ngân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Toàn**

Bà **Lê Thị Phương Thảo**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Hoàng Mai Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Kim K**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số E, ấp B, xã N, huyện B, Long An

*- Bị đơn:* **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện C, Tiền Giang.

(Chị K có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kim K trình bày:*

Chị và anh Phạm Ngọc T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm đầu năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C,

tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh chị thường xuyên cự cãi nhau. Chị và anh T đã sống ly thân nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với anh Phạm Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T cũng không tham gia hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị K gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim K có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim K, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “ Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Kim K và anh Phạm Ngọc T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân nhau. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Kim K và anh Phạm Ngọc T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc khác, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T cũng không có mặt mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, như vậy chứng tỏ anh T đã không muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc chị K yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở và hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị K trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim K phải chịu án phí HNGĐ – ST theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim K có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị K theo quy định. Bị đơn anh Phạm Ngọc T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim K

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim K được ly hôn với anh Phạm Ngọc T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim K phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị K đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021508 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang do đó xem như chị K đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Thu Ngân**

